

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TDT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDT TRADING MATERIALS EQUIPMENT AND TRANSPORTATION SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TDT SERVICES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110330667

3. Ngày thành lập: 21/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 C6 Tổ dân phố Pin, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979267810

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
15.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
16.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
17.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

18.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
19.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710
21.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
24.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
25.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
26.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
27.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
28.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
29.	Sản xuất đồng hồ	2652
30.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
31.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
32.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
33.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
34.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
35.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
36.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
37.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
38.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
41.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
42.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
43.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
44.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
45.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
46.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
47.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
48.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
49.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

50.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
51.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
52.	Sản xuất máy luyện kim	2823
53.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
54.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
55.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Trừ đầu giá)	4799
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải khách theo hợp đồng; - Vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; - Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.	4932
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
61.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng đường thủy nội địa.	5022
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;	5510
67.	Cơ sở lưu trú khác	5590
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
70.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường)	5630
72.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
73.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
74.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Điều hành tua du lịch	7912

77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
83.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
84.	Sản xuất điện Chi tiết: Hoạt động phát điện	3511
85.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Truyền tải điện; - Phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia)	3512
86.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
87.	Xây dựng công trình điện	4221
88.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
89.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
90.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
91.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
92.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
93.	Phá dỡ	4311
94.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
96.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
97.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
99.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/09/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085002862

Ngày cấp: 18/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6 C6 Tập thể Pin, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 C6 Tập thể Pin, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085002862

Ngày cấp: 18/10/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6 C6 Tập thể Pin, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 C6 Tập thể Pin, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội